**PHỤ LỤC II**

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN AN TOÀN CỘNG ĐỒNG
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã số** | **Loại công trình** | **Cấp công trình** |
| **I** | **CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG** |  |
| I.1 | Nhà ở | Nhà chung cư, nhà ở tập thể, ký túc xá, nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên | Cấp III trở lên |
| I.2 | Công trình công cộng |   |   |
| I.2.1 | Công trình giáo dục |   | Cấp III trở lên |
| I.2.2 | Công trình y tế |   | Cấp III trở lên |
| I.2.3 | Công trình thể thao | Công trình thể thao ngoài trời (không bao gồm sân thể thao), công trình thể thao trong nhà | Cấp III trở lên |
| I.2.4 | Công trình văn hóa | Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường | Cấp III trở lên |
| Bảo tàng, thư viện, triển lãm | Cấp III trở lên |
| Công trình vui chơi, giải trí và các công trình văn hóa tập trung đông người khác | Cấp III trở lên |
| I.2.5 | Công trình thương mại, dịch vụ và trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp | Công trình đa năng, khách sạn; trụ sở làm việc của các tổ chức xã hội, sự nghiệp và doanh nghiệp | Cấp III trở lên |
| Trung tâm thương mại, siêu thị | Cấp III trở lên |
| Nhà phục vụ thông tin liên lạc: bưu điện, bưu cục | Cấp II trở lên |
| Cửa hàng, nhà hàng ăn uống, giải khát và công trình tương tự khác | Cấp II trở lên |
| I.2.6 |   | Cáp treo vận chuyển người | Mọi cấp |
| I.2.7 | Nhà ga | Nhà ga hàng không | Mọi cấp |
| Nhà ga đường thủy, nhà ga đường sắt, bến xe ô tô | Cấp III trở lên |
| **II** | **CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP** |
| II.1 | Công trình sản xuất vật liệu xây dựng |   | Cấp III trở lên |
| II.2 | Công trình luyện kim và cơ khí chế tạo |   | Cấp III trở lên |
| II.3 | Công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản |   | Cấp III trở lên |
| II.4 | Công trình dầu khí |   | Cấp III trở lên |
| II.5 | Công trình năng lượng |   | Cấp III trở lên |
| II.6 | Công trình hóa chất |   | Cấp III trở lên |
| II.7 | Công trình công nghiệp nhẹ |   | Cấp III trở lên |
| **III** | **CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT** |
| III.1 | Cấp nước |   | Cấp II trở lên |
| III.2 | Thoát nước |   | Cấp II trở lên |
| III.3 | Xử lý chất thải rắn |   | Cấp II trở lên |
| III.4 | Công trình thông tin, truyền thông | Tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS | Cấp III trở lên |
| Đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông | Cấp II trở lên |
| III.5 | Bãi đỗ xe ô tô, xe máy | Bãi đỗ xe ngầm | Cấp II trở lên |
| Bãi đỗ xe nổi | Cấp II trở lên |
| III.6 | Công cáp; hào và tuy nen kỹ thuật | Tuy nen kỹ thuật | Cấp II trở lên |
| **IV** | **CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG** |
| IV.1 | Đường bộ | Đường ô tô cao tốc | Mọi cấp |
| Đường ô tô, đường trong đô thị | Cấp I trở lên |
| Bến phà | Cấp II trở lên |
| Đường sắt |   | Mọi cấp |
| Cầu | Cầu đường bộ, cầu bộ hành, cầu đường sắt, cầu phao | Cấp III trở lên |
| Hầm | Hầm đường ô tô, hầm đường sắt, hầm cho người đi bộ | Cấp III trở lên |
|   | Hầm tàu điện ngầm (Metro) | Mọi cấp |
| IV.2 | Công trình đường thủy nội địa | Cảng, bến thủy nội địa | Cấp III trở lên |
| Đường thủy có bề rộng (B) và độ sâu (H) nước chạy tầu (bao gồm cả phao tiêu, công trình chỉnh trị) | Cấp III trở lên |
| IV.3 | Công trình hàng hải |   | Cấp II trở lên |
| IV.4 | Công trình hàng không | Khu bay (bao gồm cả các công trình bảo đảm hoạt động bay) | Mọi cấp |
| **V** | **CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN** |
| V.1 | Công trình thủy lợi | Công trình cấp nước | Cấp II trở lên |
| Hồ chứa nước | Cấp III trở lên |
| Tường chắn | Cấp III trở lên |
| Đập ngăn nước và các công trình thủy lợi chịu áp khác | Mọi cấp |
| V.2 | Công trình đê điều |   | Mọi cấp |